TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ KINH MÔN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2021/HS- ST

Ngày: 23/8/2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Anh Tuyết

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Chí Dựng

Bà Đinh Thị Tin

* *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Thăng Long – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hương- Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn mở phiên tòa xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 72/2021/TLST- HS ngày 21 tháng 7 năm 2021; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2021/QĐXXST- HS ngày 09 tháng 8 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Xuân T - sinh năm 1990

Nơi cư trú: KDC H - phường A- thị xã K - tỉnh Hải Dương.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Xuân T1 và bà Nguyễn Thị K1; Gia đình có ba chị em, bị cáo là con thứ hai.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 89 ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn) xử phạt Nguyễn Xuân T 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội Đánh bạc. T chưa thi hành tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và tiền phạt bổ sung 3.000.000 đồng.

Nhân thân: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2008/HS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2008 của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án

nhân dân thị xã Kinh Môn) xử phạt Nguyễn Xuân T 09 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Ngày 31 tháng 8 năm 2009 T chấp hành xong hình phạt tù, ngày 13/3/2009 chấp hành xong phần thi hành án dân sự của bản án.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/01/2021 đến ngày 28/01/2021 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương đến nay. ***Có mặt.***

2. Họ và tên: Nguyễn Đức T2 - sinh năm 1991

Nơi cư trú: KDC H - phường A- thị xã K - tỉnh Hải Dương.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Đức T3 và bà Nguyễn Thị D; Gia đình có bốn anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Lèng Thị M.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/01/2021 đến ngày 28/01/2021 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương đến nay. ***Có mặt.***

3. Họ và tên: Nguyễn Văn Q - sinh năm 1999

Nơi cư trú: Xóm N 2 - L - thị xã Q1- tỉnh Q2.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh ; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Nguyễn Văn N1 và bà Ngô Thị N2; Gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/01/2021 đến ngày 28/01/2021 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương đến nay. ***Có mặt.***

***Người làm chứng:** Chị Ngô Thị T4, sinh năm 1990, địa chỉ: Xóm 3B – xã Q3 – huyện Q4 – tỉnh Nghệ An; Chị Nguyễn Thanh H1, sinh năm 2002, địa chỉ: K2 – thị xã Đ – tỉnh Q2; Chị Vi Thị T5, sinh năm 1997, địa chỉ: xã Y – huyện T6 – tỉnh Nghệ An; Anh Nguyễn Đình L1, sinh năm 1995, địa chỉ: Khu dân cư H – phường A– thị xã K – tỉnh Hải Dương; Anh Đàm Văn B, sinh năm 1996, địa chỉ: Khu dân cư C – phường D1 – thị xã K – tỉnh Hải Dương; Anh Nguyễn Ngọc T7, sinh năm: 1989, địa chỉ: Khu dân cư C1 – phường A– thị xã K – tỉnh Hải Dương. *Đều vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 21 giờ ngày 25/01/2021, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Đức T2 và Nguyễn Ngọc T7 - sinh năm 1989, trú tại: khu dân cư C1 - phường A- thị xã K - tỉnh Hải Dương đến quán Karaoke Vincom thuộc khu dân cư T8 - phường H2 - thị xã K- tỉnh Hải Dương để hát Karaoke. Tại đây, T gặp Đàm Văn B - sinh năm 1996, trú tại: khu dân cư C - phường D1 - thị xã K (là lễ tân) để thuê phòng hát và yêu cầu 01 nhân viên đánh nhạc, 03 nhân viên phục vụ. B phân

công Nguyễn Văn Q (là nhân viên đánh nhạc) đưa nhóm của T lên phòng hát số 309. Khi vào phòng 309, T nói với T2 góp tiền để mua ma túy về cùng sử dụng, T2 đồng ý và đưa cho T 3.500.000 đồng, T góp 2.200.000 đồng. Trong lúc đang hát, T đi xuống tầng 1 của quán gặp Q, T nhờ Q mua hộ 06 viên ma túy loại "Kẹo" và 02 túi ma túy loại "Ke", Q nghĩ T mua ma túy về phòng hát để sử dụng thì Q cũng được sử dụng nên đồng ý. Q đi ra cửa quán khoảng 15 mét thì gặp một người phụ nữ tên là T9 đang đi bộ, Q hỏi và mua của T9 06 viên ma túy (có đặc điểm: là 06 viên nén màu nâu xám) và 02 túi nilon ma túy (có đặc điểm bên trong đều chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng) với giá 5.700.000 đồng. Sau khi mua được ma tuý, Q lên phòng 309 đưa cho T, T đưa cho Q số tiền 5.700.000 đồng, Q ở lại phòng 309 để đánh nhạc. Lúc này, T đi đến gầm bàn đánh nhạc lấy 01 đĩa sứ, 01 thẻ nhựa cứng, 01 ống hút được quấn từ tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng. Sau đó, T để 06 viên ma tuý và đổ 01 túi ma túy loại "Ke" ra đĩa rồi đưa cho T2 01 viên ma túy để T2 sử dụng còn T sử dụng 01 viên, số ma túy còn lại T để lên mặt bàn. Thấy vậy, T7 lấy 01 viên ma túy để sử dụng đồng thời cùng T, T2 sử dụng số ma túy trong đĩa. Khi T, T2, T7 đang hát và sử dụng ma túy thì có Ngô Thị T4 - sinh năm 1990, trú tại: Xóm 3B - Q3 - Q4 - Nghệ An, Nguyễn Thanh H1 - sinh năm 2002, trú tại: K2 - Đ - Q2, Vi Thị T5 - sinh năm 1997, trú tại: Y - T6 - Nghệ An lên phòng 309 để phục vụ theo yêu cầu của T và có Nguyễn Đình L1 - sinh năm 1995, trú tại: khu dân cư H - phường A- thị xã K (là bạn của T) đến. Thấy T, T2, T7 sử dụng ma túy nên Q, H1 và L1 tự lấy ma tuý trên bàn sử dụng (L1 sử dụng ½ viên ma túy).

Trong quá trình sử dụng ma tuý, T sử dụng tiếp nửa viên ma túy mà L1 bẻ ra trước đó còn lại 02 viên ma túy T để vào trong túi quần bên trái phía trước đang mặc. Khi thấy số ma tuý trong đĩa hết, T lấy tiếp túi ma túy loại "Ke" đổ ra đĩa để sử dụng. Đến 00 giờ 10 phút ngày 26/01/2021 thì Tổ công tác thuộc Công an thị xã Kinh Môn kết hợp với Công an phường H2 tiến hành kiểm tra, phát hiện bắt quả tang. Thu giữ vật chứng gồm: 01 đĩa sứ màu trắng hình chữ nhật, 01 ống hút được cuộn bằng tờ tiền polime 10.000 đồng, 01 thẻ nhựa cứng; thu trong đĩa sứ chất rắn dạng tinh thể màu trắng (được niêm phong ký hiệu M2); thu tại túi quần phía trước bên trái T đang mặc 01 túi nilon bên trong có 2 viên nén màu nâu xám hình chữ nhật (được niêm phong ký hiệu M1); thu của Q 01 điện thoại di động Iphone 12 promax và số tiền 5.700.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 117/KLGĐ- PC09 ngày 28/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hải Dương, kết luận: 02 viên nén màu nâu xám niêm phong trong phong bì ký hiệu M1 gửi đến giám định tổng khối lượng là 1,013g là ma túy, loại MDMA; Chất rắn dạng tinh thể màu trắng niêm phong trong phong bì ký hiệu M2 gửi đến giám định có khối lượng là 0,286g là ma túy, loại Ketamin. Hoàn lại đối tượng giám định gồm: 0,933g ma túy loại MDMA và 0,205g ma túy loại Ketamine; 02 vỏ túi nilon màu trắng. *(Theo Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ thì tổng tỷ lệ phần trăm các chất*

ma túy so với các chất ma tuý quy định tại khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự là 1,013 gam MDMA = 20,26%; 0,286 gam Ketamine = 1,43%, tổng là 21,69%)

Tại bản cáo trạng số: 66/CT- VKS ngày 21 tháng 7 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn truy tố các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Văn Q về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà:

* Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Văn Q và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Văn Q phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

- Về hình phạt: Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự với bị cáo Nguyễn Xuân T, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T từ 24 tháng đến 27 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 26/01/2021. Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, Điều 17, Điều 38, Điều 58, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Đức T2, Nguyễn Văn Q, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Q từ 21 tháng đến 24 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 26/01/2021; Bị cáo Nguyễn Đức T2 từ 21 tháng đến 24 tháng tù, thời hạn tính từ ngày 26/01/2021.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

- Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu cho tiêu hủy toàn bộ số ma túy được niêm phong trong bì thư số 117/KLGĐ- PC09 là mẫu vật hoàn trả lại sau giám định; Tịch thu cho tiêu hủy 01 thẻ nhựa cứng màu cam kích thước (8x5)cm; 01 đĩa sứ màu trắng kích thước (23x23)cm; 01 ống hút được quấn bằng tiền Polime mệnh giá 10.000 đồng; Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 5.700.000 đồng; Trả lại cho bị cáo Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu xanh ngọc.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí và lệ phí Toà án buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hình sự.

*Các bị cáo bị cáo Nguyễn Xuân T, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Văn Q thừa nhận hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra- Công an thị xã Kinh Môn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[**2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của các bị cáo:** Các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Văn Q khai tại phiên tòa phù hợp với lời khai các bị cáo đã khai nhận tội trong quá trình điều tra. Căn cứ vào lời khai của các bị cáo, lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác được thu thập trong quá trình điều tra hiện có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 21 giờ ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại quán Karaoke Vincom thuộc khu đô thị T8 - phường H2 - thị xã K - tỉnh Hải Dương, Nguyễn Xuân T và Nguyễn Đức T2 có hành vi góp số tiền 5.700.000 đồng tiền để mua ma tuý về cùng sử dụng, T đã nhờ Nguyễn Văn Q mua hộ 06 viên ma túy loại MDMA và 02 túi ma túy loại Ketamine để cùng nhau sử dụng. Đến 00 giờ 10 phút ngày 26/01/2021, tại phòng 309 quán Karaoke Vincom khi T2, T, Q đang sử dụng trái phép chất ma túy thì bị Tổ công tác thuộc Công an thị xã Kinh Môn kết hợp với Công an phường H2 phát hiện bắt quả tang. Thu giữ trong lòng đĩa sứ trên bàn uống nước 0,286g ma túy, loại Ketamine và thu tại túi quần phía trước bên trái T đang mặc 1,013g ma túy, loại MDMA, mục đích để sử dụng.

Xét, việc các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nguyễn Đức T2 đã cùng bỏ ra số tiền 5.700.000 đồng và nhờ bị cáo Nguyễn Văn Q đi mua hộ ma túy *(06 viên ma túy loại MDMA và 02 túi ma túy loại Ketamine)* để sử dụng cùng bị cáo Q và các đối tượng T7, H1, L1 từ khoảng 22 giờ ngày 25 tháng 01 năm 2021 đến khoảng 00 giờ ngày 26 tháng 01 năm 2021 thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, thu giữ trong lòng đĩa sứ trên bàn uống nước 0,286g ma túy, loại Ketamine và thu tại túi quần phía trước bên trái T đang mặc 1,013g ma túy, loại MDMA nên việc các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Văn Q bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn truy tố về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật;

Hành vi phạm tội của các bị cáo T, T2, Q là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội tại địa bàn thị xã K.

Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, mặc dù nhận thức được chất ma túy không chỉ gây tác hại rất lớn cho chính cơ thể người sử dụng mà còn làm ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh của các thế hệ sau này. Là gánh nặng cho gia đình và xã hội, là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội khác, nhưng để có ma túy sử dụng cho bản thân các bị cáo vẫn cố ý tàng trữ trái phép

chất ma túy. Do đó cần phải xử lý nghiêm hành vi phạm tội của các bị cáo để góp phần vào việc phòng ngừa tội phạm chung.

Trong vụ án này, các bị cáo cùng nhau thực hiện tội phạm nên phải áp dụng quy định về đồng phạm theo Điều 17, Điều 58 của Bộ luật hình sự để xem xét mức hình phạt đối với các bị cáo;

Bị cáo T lần phạm tội này được xác định là tái phạm, bị cáo là người đề xuất việc mua ma túy về sử dụng và bị cáo T2 đồng ý, T bỏ ra số tiền là 2.200.000 đồng, T2 bỏ ra 3.500.000 đồng để nhờ Q mua ma túy về cùng sử dụng, bị cáo Q là người trực tiếp đi mua toàn bộ số ma túy về để các bị cáo sử dụng trái phép tại quán Karaoke Vincom. Căn cứ vào nhân thân và việc bị cáo T là người có tiền án nên bị cáo có vị vai trò thứ nhất, bị cáo T2 và Q là các đồng phạm tích cực, có vị trí vai trò thứ hai trong vụ án.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *tái phạm* theo điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự vì tại Bản án hình sự sơ thẩm số 89 ngày 13/11/2017, Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn) đã xử phạt T 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội Đánh bạc. Đến ngày 25/01/2021, T chưa thi hành tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và tiền phạt bổ sung 3.000.000 đồng theo quy định.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo T, T2, Q đều đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là *người phạm tội thành khẩn khai báo* quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[3] Về hình phạt chính: Xét nhân thân của các bị cáo, số lượng ma túy các bị cáo tàng trữ khi phạm tội và tính chất mức độ hậu quả tội phạm mà các bị cáo đã gây ra cho xã hội, thấy cần phải có mức hình phạt phù hợp, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giúp các bị cáo phấn đấu, rèn luyện trở thành các công dân sống có ích cho xã hội sau này.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo T, T2, Q trước khi phạm tội không có nghề nghiệp ổn định, kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo T, T2, Q.

[5] Về vật chứng: Đối với toàn bộ số ma túy hoàn lại sau khi giám định được niêm phong trong 01 phong bì thư ghi số 117/KLGĐ- PC09 của Công an tỉnh Hải Dương gửi Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thị xã Kinh Môn là vật cấm tàng trữ, lưu hành, không có giá trị sử dụng nên cần tuyên tịch thu, cho tiêu hủy là đúng pháp luật;

Đối với 01 thẻ nhựa cứng, 01 đĩa sứ màu trắng, 01 ống hút được cuộn bằng tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng là công cụ các bị cáo sử dụng trái phép chất ma túy, hiện không có giá trị, không sử dụng được, liên quan đến việc phạm tội nên tịch thu, cho tiêu hủy là có căn cứ, đúng quy định;

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 12 promax của bị cáo Q, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã làm rõ bị cáo Q không dùng chiếc điện thoại này vào việc phạm tội nên cần trả lại bị cáo điện thoại là có căn cứ, đúng pháp luật;

Đối với số tiền 5.700.000 đồng là tiền thu của các bị cáo, liên quan đến việc phạm tội nên tịch thu, sung công quỹ Nhà nước là có căn cứ, đúng pháp luật.

[6] Về án phí: Các bị cáo T, T2, Q bị tuyên bố có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Trong vụ án này, đối với người phụ nữ tên T9 bị cáo Q khai là người đã bán ma túy cho Q vào ngày 25/01/2021. Kết quả xác minh là Nguyễn Thị T9 - sinh năm 1981, địa chỉ cư trú: khu dân cư Phụ Sơn, phường An Lưu, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Kinh Môn đã nhiều lần lập biên bản xác minh tại khu dân cư và Công an phường An Lưu kết quả đều xác định Nguyễn Thị T9 hiện không còn sinh sống tại địa phương, đi đâu làm gì chính quyền địa phương không nắm được. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Kinh Môn đã ra thông báo truy tìm, khi nào làm rõ sẽ xem xét xử lý sau là có căn cứ, đúng quy định nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết trong vụ án;

Đối với Nguyễn Ngọc T7 biết việc T và T2 góp tiền mua ma tuý về sử dụng nhưng T7 không góp tiền cùng T và T2 và bản thân T7 cũng sử dụng ma tuý cùng T và T2 nên T7 không phạm tội nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết trong vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật;

Đối với Lê Thế Hoàn là quản lý quán Karaoke Vincom và Đàm Văn B là lễ tân của quán, không biết T cùng những người khác sử dụng ma tuý tại phòng hát nên không đồng phạm với T và không cấu thành tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma tuý nên không đặt ra việc xem xét giải quyết trong vụ án là có căn cứ, đúng quy định của của pháp luật;

Đối với Nguyễn Xuân T, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Ngọc T7, Nguyễn Đình L1, Nguyễn Thanh H1 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và Lê Thế Hoàn có hành vi để các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy tại cơ sở kinh doanh do Hoàn làm quản lý, ngày 22/3/2021 Ủy ban nhân dân thị xã K đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 21 đối với anh Hoàn, số 22 đối với T, T2, Q, T7, L1, H1 là đúng quy định của pháp luật nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết trong vụ án;

Đối với các chị Vi Thị T5, Ngô Thị T4 khi phục vụ cho nhóm của T nhưng không biết việc các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, bản thân Tính và

Trang không tham gia sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thị xã Kinh Môn không đặt ra việc xử lý là có căn cứ, đúng quy định nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết trong vụ án;

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249, Điều 17, Điều 38, khoản 1 Điều 47, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự; khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo T, T2, Q. Căn cứ điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo T.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị Nguyễn Xuân T, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Văn Q phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 22 (hai mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26 tháng 01 năm 2021;
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T2 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26 tháng 01 năm 2021.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26 tháng 01 năm 2021.

3. Về vật chứng; Xử tịch thu, cho tiêu hủy: Toàn bộ số ma túy hoàn lại sau khi giám định được niêm phong trong 01 phong bì thư ghi số 117/KLGGG- PC09 của Công an tỉnh Hải Dương gửi Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thị xã Kinh Môn, 01 thẻ nhựa cứng, 01 đĩa sứ màu trắng, 01 ống hút được cuộn bằng tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng. Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước số tiền 5.700.000 đồng (Năm triệu bẩy trăm nghìn đồng). Trả lại bị cáo Nguyễn Văn Q 01 điện thoại di động Iphone 12 Promax *(Các vật chứng và số tiền có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng lưu trong hồ sơ vụ án và được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn)*

4.Về án phí, xử: Buộc Nguyễn Xuân T, Nguyễn Đức T2, Nguyễn Văn Q mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho các bị cáo T, T2, Q biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

**** Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Cơ quan thi hành án hình sự,
Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Các bị cáo; Trại TG Công an tỉnh Hải Dương;
- Lưu hs. VP.

Phạm Anh Tuyết